

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44 /2023/HS-ST

Ngày 18 - 7 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1/Ông Nguyễn Phúc Hiếu

2/Ông Nguyễn Trung Tĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Xiêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Chu Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 08/2023/TB – TA ngày 03 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Phan Văn D, sinh ngày 9/4/1990 tại huyện N, Nghệ An; nơi cư trú: Xóm D, xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Q, sinh năm 1957 và bà Trần Thị L, sinh năm 1959; vợ: Trần Thị P, sinh năm 1995, con: có 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt, không bị tạm giữ, không bị tạm giam. Hiện bị cáo tại ngoại tại xã X, N, Nghệ An.

2. Nguyễn Đức T, sinh ngày 10/10/1973 tại huyện N, Nghệ An; nơi cư trú: Xóm L, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M, đã chết và bà Trần Thị T1, sinh năm 1942; vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1977, con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt, không bị tạm giữ, không bị tạm giam. Hiện bị cáo tại ngoại tại xã K, N, Nghệ An. (Các bị cáo có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 4 năm 2022, Phan Văn D sinh năm 1990 có HKTT tại xóm D, xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An mua chiếc xe ô tô có số khung KMCPB18TP6C012120, số máy D6CB6123630 của Nguyễn Hữu Q1, sinh năm 1975, HKTT: khối V, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An làm nghề buôn bán phế liệu, phụ tùng xe ô tô với giá 550.000.000 đồng. Sau khi mua về, do không có giấy tờ lưu hành nên D thuê thợ hoán cải, lắp ráp, để lưu hành làm xe vận tải hàng hóa, D đã liên hệ qua mạng xã hội Facebook đặt mua của một người không quen biết ở thành phố V 01 thẻ đăng ký xe; 01 sổ giấy phép liên vận (sổ màu xanh), bên trong chưa có các dấu hải quan; 01 sổ theo dõi việc đăng ký xe (sổ màu vàng) và 02 biển số đều thể hiện là xe Lào biển số μ 2 0688 có số khung, số máy trùng với số khung, số máy chiếc xe đã mua của anh Q1 nêu trên với giá 20.000.000 đồng. Theo quy định, để lưu hành hợp pháp phương tiện là xe đăng ký biển số Lào trên lãnh thổ Việt Nam phải có đầy đủ các giấy tờ gồm: Giấy đăng ký phương tiện; Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Giấy phép liên vận; Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập tái xuất. Do vậy, khoảng tháng 5 năm 2022, D đến nhà Nguyễn Đức T sinh năm 1973, HKTT: Xóm L, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An đưa cho T 01 quyển sổ liên vận để nhờ T làm giả dấu hải quan Việt Nam vào trong sổ liên vận. Do cùng kinh doanh vận tải với nhau và cả nể nên T đã cầm 01 quyển sổ liên vận do D đưa, đến một hiệu Photocopy tại thành phố V đưa cho chủ quán là một người phụ nữ để làm giả hình dấu của Hải quan cửa khẩu C1 - Việt Nam vào trong sổ liên vận với giá 200.000đ rồi mang về đưa cho D, D trả cho T số tiền 200.000đ. Khi D mở ra kiểm tra thì thấy bên trong sổ có kẹp kèm theo 01 tờ khai tạm nhập tái xuất của chiếc xe Lào μ 2 0688.

Đến ngày 09/9/2022 sau khi Phan Văn P1 sinh năm 1980 trú tại thị trấn N, Nghệ An gọi điện báo D chở hàng ra huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, D đã giao xe và giấy tờ lưu hành xe μ 2 0688 nêu trên cho Nguyễn Văn T2, sinh năm 1998, HKTT: Xóm D, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An điều khiển vận chuyển 4.000 thùng nước uống nhãn hiệu RedbulLâm Thao cho hộ kinh doanh của Nguyễn Thị Hồng D1, sinh năm 1982, HKTT: Khu A, xã S, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Khi xe đến huyện Lâm Thao, đang bốc dỡ hàng hoá thì tổ công tác Công an huyện Lâm Thao tiến hành kiểm tra xe ô tô tải nhãn hiệu HYUNDAI, gắn biển số μ 2 0688 cùng các giấy tờ có liên quan phát hiện nghi vấn là giấy tờ giả nên đã lập biên bản tạm giữ phương tiện cùng giấy tờ liên quan đến phương tiện là chiếc xe ô tô mang biển số μ 2 0688 để tiến hành kiểm tra xác minh.

Cơ quan điều tra Công an huyện Lâm Thao đã có công văn gửi Đại sứ quán Lào tại Việt Nam để xác minh về tính xác thực của bộ giấy tờ chiếc xe BKS μ 2 0688 để phục vụ công tác điều tra. Tại Công văn số 1307/ ĐSQL. HN ngày 20/9/2022 Đại sứ quán Lào xác minh tính xác thực của thông tin giấy tờ xe nêu

trên là đúng sự thật. Căn cứ công văn trả lời của Đại sứ quán Lào tại Việt nam, do không xác định được người đã bán cho D bộ giấy tờ xe nêu trên nên không có cơ sở làm rõ nguồn gốc bộ giấy tờ xe để xử lý.

Kết quả trưng cầu giám định như sau:

- Kết quả dịch thuật của Phòng Công chứng số 01 - Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ thể hiện các tài liệu bằng chữ Lào của Phan Văn D là T3 đăng ký xe tại Lào, Sở giấy phép liên vận quốc tế và Sở theo dõi việc đăng ký xe tại Lào.

- Ngày 22/9/2022, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao trưng cầu Phòng K - Công an tỉnh P giám định tài liệu, chữ ký, con dấu đối với các tài liệu đã tạm giữ của Phan Văn D.

Tại Bản kết luận giám định số 1315/KL-KTHS ngày 27/9/2022 của Phòng K - Công an tỉnh P kết luận: Các dấu, chữ ký của Chi cục hải quan Cửa khẩu quốc tế C1 trong tờ khai phương tiện tạm nhập, tái xuất và sổ giấy phép liên vận quốc tế đều không phải do cùng một con dấu đóng ra (so với mẫu dấu, chữ ký đã thu thập tại Chi cục Hải quan cửa khẩu quốc tế C1; hình dấu và chữ ký đều được sao chụp bằng phương pháp in phun màu).

- Ngày 29/9/2022, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ giám định số khung, số máy đối với chiếc xe tải của Phan Văn D.

Tại bản kết luận số 1348/KL-KTHS ngày 01/10/2022 của Phòng K Công an tỉnh P kết luận: Chiếc xe ô tô tải không phát hiện tẩy xóa, sửa chữa số khung, số máy; Số khung trước và sau giám định là KMCPB18TP6C012120, số máy trước và sau giám định là D6CB6123630.

Quá trình điều tra Nguyễn Đức T khai sau khi D đưa 01 quyển sổ liên vận để nhờ T đi làm giả các con dấu Hải quan vào trong sổ, T đã đến quán photo “Hùng Quân” ở phường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An, đưa sổ giấy phép liên vận cho Cao Thị T4, sinh năm 1986, HKTT: Xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Cao Thị T4 nhận sổ giấy phép liên vận T đưa, rồi tự làm giả các dấu của Hải quan cửa khẩu. Khi làm xong T trả cho T4 số tiền 200.000đ rồi mang về đưa lại cho D. Việc T4 làm giả bằng cách nào T không biết, T chỉ đưa cho T4 quyển sổ liên vận để T4 làm giả hình dấu Hải quan vào đó, khi mang về T cũng không mở ra xem mà đưa cho D, D kiểm tra thì thấy có tờ khai kèm theo trong sổ. Tiến hành điều tra xác minh theo lời khai của T, cơ quan điều tra đã lấy lời khai, cho T4 và T đối chất, T4 khai không quen biết Nguyễn Đức T, không làm tờ khai phương tiện hay làm mẫu dấu gì cho T. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Cao Thị T4 thu giữ 01 cây máy tính trên mặt có chữ “SAMSUNG”, địa chỉ IP tại thời điểm tạm giữ 192.168.0.102 để phục vụ công tác điều tra.

Vật chứng, đồ vật, tài liệu tạm giữ: 01 xe ô tô tải, thùng kín, cabin màu trắng, số khung KMCPB18TP6C012120, số máy D6CB6123630, đeo biển số ký hiệu µ2 0688; 01 Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập tái xuất số

835/TNTX/HQCK-B30B/2021 ngày 29/6/2022 của Chi cục Hải quan cửa khẩu quốc tế C1; 01 sổ Giấy phép liên vận quốc tế thể hiện của xe tải Lào biển số µ2 0688, bên trong có 04 hình dấu của Chi cục Hải quan cửa khẩu quốc tế C1; 01 thẻ đăng ký thể hiện xe Lào biển số µ2 0688; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, biển số 29C-613.21; 01 cây máy tính màu đen, đỏ, trên mặt có chữ “SAMSUNG”, địa chỉ IP tại thời điểm tạm giữ 192.168.0.102.

Xử lý các đồ vật, tài liệu, vật chứng:

- Kết quả kiểm tra dữ liệu trên cây máy tính trên mặt có chữ “SAMSUNG”, địa chỉ IP tại thời điểm tạm giữ 192.168.0.102 tạm giữ của Cao Thị T4 không phát hiện dữ liệu có liên quan đến hành vi Làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức, cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại cây máy tính trên cho Cao Thị T4.

- Đối với chiếc xe tạm giữ của Phan Văn D, quá trình điều tra xác định nguồn gốc chiếc xe trên là của Công ty CP V có địa chỉ tại 201, TDP H, T, B Thành phố Hà Nội, đăng ký xe BKS 29C-613.21. thể chấp cho Ngân hàng VPBANK- chi nhánh Kinh Đô - phòng giao dịch Hà Tây(cũ). Chiếc xe trên đã đã được bán đấu giá để xử lý khoản nợ Công ty V vay ngân hàng. Khách hàng trúng đấu giá là ông An Sơn D2 có địa chỉ tại số B, ngõ K, H, Hà Nội. Qua trình điều tra xác định sau đó chiếc xe trên được hoán cải màu sắc kết cấu, thùng bệ nhiều lần và bán lại cho nhiều khách hàng. Khi D2 đến mua chiếc xe trên của anh Nguyễn Hữu Q1, D2 không hỏi và yêu cầu gì về giấy tờ xe cho đến khi bị Công an Lâm Thao phát hiện, quá trình giải quyết D2 đã gặp anh Q1 hỏi và được anh Q1 giao cho 01 giấy đăng ký xe BKS 29C-613.21 và giao nộp cho cơ quan điều tra. Chiếc xe trên không có trong cơ sở dữ liệu xe vật chứng. Ngày 06/11/2022, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao tiến hành kiểm định chiếc xe trên tại Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 19-04D tại khu 4, xã Phùng Nguyên, huyện Lâm Thao. Cùng ngày, Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới kết luận chiếc xe trên hiện nay đã bị hoán cải, lắp ráp trái quy định của pháp luật giao thông đường bộ.

Kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Lâm Thao định giá chiếc xe có số khung KMCPB18TP6C012120, số máy D6CB6123630 có giá trị tại thời điểm định giá là 255.000.000 đồng. Việc Phan Văn D giao xe lắp ráp trái quy định cho Nguyễn Văn T2 có dấu hiệu vi phạm hành chính “Điều khiển xe lắp ráp trái quy định tham gia giao thông”, vi phạm điểm c, khoản 5, Điều 16 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ; được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9, Điều 2 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ.

Ngày 31/3/2023, cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ cùng tang vật là chiếc xe có số khung KMCPB18TP6C012120, số máy D6CB6123630 đến Công an huyện Lâm Thao đề nghị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Căn cứ kết luận giám định, lời khai nhận của D, T cùng các tài liệu điều tra

khác có trong hồ sơ vụ án xác định Phan Văn D đã thực hiện hành vi làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức và sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức, Nguyễn Đức T là người đưa quyền sở liên vận để người khác làm giả các hình dấu Hải quan cửa khẩu C1 vào tài liệu được xác định đã phạm tội làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức. Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đối với Nguyễn Văn T2 là người điều khiển xe đến huyện Lâm Thao ngày 10/9/2022, do Nguyễn Văn T2 không biết tài liệu D giao cho T2 là tài liệu giả nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với người khai bán tài liệu giả cho D, do D không rõ đặc điểm về người, không xác định được vị trí mua tài liệu nên cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh.

Đối với Phan Văn P1, do P1 chỉ là người nhận lời vận chuyển hàng cho Nguyễn Thị Hồng D1 và giao lại việc vận chuyển cho Phan Văn D, P1 không biết D sử dụng giấy tờ giả để lưu hành chiếc xe ô tô chở hàng nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Cao Thị T4 là người Nguyễn Đức T khai làm giả các con dấu vào sổ liên vận cho T, cơ quan điều tra đã tổ chức xác minh, điều tra nhưng không có cơ sở kết luận T4 làm giả tài liệu của Chi cục Hải quan cửa khẩu quốc tế C1 cho T nên không có căn cứ xử lý.

Về tài sản: Bị cáo Dương hiện ở cùng bố mẹ đẻ, ngoài chiếc xe ô tô đang bị tạm giữ không có tài sản riêng gì khác. Bị cáo T có tài sản chung là ngôi nhà 02 tầng tại xóm L, xã K, N, Nghệ An.

Tại bản cáo trạng số 28/CT-VKSLT ngày 24 tháng 4 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao truy tố các bị cáo Phan Văn D về tội: “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức và sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”, bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao rút một phần quyết định truy tố đối với hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức đối với Phan Văn D. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của Phan Văn D, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao giữ nguyên quan điểm truy tố D về tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Đức T Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao vẫn giữ nguyên quyết định truy tố.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phan Văn D phạm tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ khoản 1 Điều 341; Điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ

luật Hình sự đối với các bị cáo D và T.

Xử phạt bị cáo Phan Văn D 21 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện N nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

Giao bị cáo Phan Văn D cho UBND xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Phan Văn D có trách nhiệm phối hợp với UBND xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phan Văn D. Buộc bị cáo Phan Văn D phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo D.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện N nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Đức T cho UBND xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Nguyễn Đức T có trách nhiệm phối hợp với UBND xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Đức T. Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo T.

Vật chứng vụ án đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập tái xuất số 835/TNTX/HQCK-B30B/2021 ngày 29/6/2022 của Chi cục Hải quan cửa khẩu quốc tế C1; 01 sổ Giấy phép liên vận quốc tế thể hiện của xe tải Lào biển số µ2 0688, bên trong có 04 hình dấu của Chi cục Hải quan cửa khẩu quốc tế C1; 01 thẻ đăng ký thể hiện xe Lào biển số µ2 0688;

Trả lại cho Phan Văn D 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, biển số 29C-613.21 vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, các bị cáo không tranh luận gì. Các bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử, xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử: Đã thực hiện đúng thẩm quyền; đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo nhất trí và không có ý kiến gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Hành vi thực hiện của bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo Phan Văn D và Nguyễn Đức T khai nhận hành vi phạm tội như sau: Khoảng thời gian trong tháng 5/2022 với mục đích lưu hành chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai màu trắng gắn biển số $\mu 2$ 0688 của Lào trên lãnh thổ Việt Nam, Phan Văn D đã mua 01 bộ giấy tờ xe ô tô của Lào sau đó nhờ Nguyễn Đức T làm giả 04 hình dấu tròn của Cửa khẩu quốc tế C1 - Việt Nam vào sổ liên vận của chiếc xe ô tô trên. Nguyễn Đức T đã mang quyền sở hữu liên vận xuống một hiệu photocopy in phun màu tại thành phố V, Nghệ An để thuê người khác làm giả 04 hình dấu Hải quan cửa khẩu quốc tế C1 vào trong sổ. Ngày 10/9/2022 khi D giao chiếc xe trên cùng quyền sở hữu liên vận cho Nguyễn Văn T2 là lái xe chở hàng và trả hàng tại địa bàn huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ thì bị cơ quan Công an phát hiện, T2 không biết giấy tờ xe D giao cho mình là giả.

Xét thấy lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan cảnh sát điều tra; vật chứng vụ án và các tài liệu khác lập lưu trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm giả và sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức là vi phạm pháp luật mà vẫn cố tình thực hiện. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Phan Văn D phạm tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” và bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tội phạm và hình phạt đối với các bị cáo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự như sau:

“Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp

luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm”.

[3] Tính chất vụ án: Xét thấy tính chất vụ án thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an xã hội trên địa bàn. Vì vậy, cần đưa các bị cáo ra xét xử và có hình phạt mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân; Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào, đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là “ Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Ngoài ra bị cáo T còn có bố được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất, mẹ là thương binh 4/4; bị cáo D có bố để tham gia kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế tại Campuchia nên các bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự là cũng đủ tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Hiện nay, các bị cáo Phan Văn D và Nguyễn Đức T lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập để sung quỹ Nhà nước đối với các bị cáo là phù hợp. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự, cần buộc các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy: Đối với bị cáo D không có tài sản gì; bị cáo T có nhà và đất là tài sản chung của hai vợ chồng và hiện nay đã thế chấp tại Ngân hàng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Cần tịch thu tiêu hủy 01 Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập tái xuất số 835/TNTX/HQCK-B30B/2021 ngày 29/6/2022 của Chi cục Hải quan cửa khẩu quốc tế C1; 01 sổ Giấy phép liên vận quốc tế thể hiện của xe tải Lào biển số µ2 0688, bên trong có 04 hình dấu của Chi cục Hải quan cửa khẩu quốc tế C1; 01 thẻ đăng ký thể hiện xe Lào biển số µ2 0688;

Cần trả lại cho Phan Văn D 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, biển số 29C-613.21 vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/6/2023).

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với Nguyễn Văn T2 là người điều khiển xe đến huyện Lâm Thao ngày 10/9/2022, do Nguyễn Văn T2 không biết tài liệu D giao cho T2 là tài liệu giả nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với người bán bộ giấy tờ xe Lào cho D, do D không rõ đặc điểm về người, không xác định được vị trí mua tài liệu nên cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh.

Đối với Phan Văn P1, do P1 chỉ là người nhận lời vận chuyển hàng cho Nguyễn Thị Hồng D1 và giao lại việc vận chuyển cho Phan Văn D, P1 không biết D sử dụng giấy tờ giả để lưu hành chiếc xe ô tô chở hàng nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Cao Thị T4 là người Nguyễn Đức T khai làm giả các con dấu vào sổ liên vận cho T, cơ quan điều tra đã tổ chức xác minh, điều tra nhưng không có cơ sở kết luận T4 làm giả tài liệu của Chi cục Hải quan cửa khẩu quốc tế C1 cho T nên không có căn cứ xử lý là phù hợp.

Đối với cây máy tính trên mặt có chữ “SAMSUNG”, địa chỉ IP tại thời điểm tạm giữ 192.168.0.102 tạm giữ của Cao Thị T4 không phát hiện dữ liệu có liên quan đến hành vi Làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức, ngày 13 tháng 12 năm 2022 cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại cây máy tính trên cho Cao Thị T4 là phù hợp.

Đối với chiếc xe BKS 29C-613.21 không có trong cơ sở dữ liệu xe vật chứng, không liên quan đến hành vi phạm tội. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 341; Điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36, Điều 17 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo D và T; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố các bị cáo Phan Văn D phạm tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ

quan, tổ chức” và bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức”.

Xử phạt:

- Bị cáo Phan Văn D 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện N nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

Giao bị cáo Phan Văn D cho UBND xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Phan Văn D có trách nhiệm phối hợp với UBND xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trong trường hợp bị cáo Phan Văn D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phan Văn D. Buộc bị cáo Phan Văn D phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Đức T 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện N nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Đức T cho UBND xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Nguyễn Đức T có trách nhiệm phối hợp với UBND xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Đức T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Đức T. Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo D và T.

4. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Tịch thu tiêu hủy 01 Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập tái xuất số 835/TNTX/HQCK-B30B/2021 ngày 29/6/2022 của Chi cục Hải quan cửa khẩu quốc tế C1; 01 sổ Giấy phép liên vận quốc tế thể hiện của xe tải Lào

biển số µ2 0688, bên trong có 04 hình dấu của Chi cục Hải quan cửa khẩu quốc tế C1; 01 thẻ đăng ký thể hiện xe Lào biển số µ2 0688

Trả lại cho bị cáo Phan Văn D 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, biển số 29C-613.21. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/6/2023).

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Phan Văn D và Nguyễn Đức T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị TAND tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Công an huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- UBND xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An;
- UBND xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An;
- Các bị cáo;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Liên